

DIỄN ĐÀN VÀ KHUYẾN NGHỊ

BÀN TIẾP VỀ I NGẮN Y DÀI

ĐÀO TIẾN THI

(ThS, Nhà Xuất bản Giáo dục)

Trong một số bài viết trước đây¹, chúng tôi đã đưa ý kiến về 2 hình thức chính tả ghi âm /i/ khi âm này đi sau 6 phụ âm /h, k, l, m, s, t/ trong vần mở (không có âm cuối); ở đây hiện có hai quan điểm: tất cả đều viết *i* và quan điểm phân biệt *i/y* (từ đây quy ước cách gọi: *nhất thể i* và *phân biệt i/y*). Chúng tôi không nhất trí quan điểm *nhất thể i* vì:

① *Nhất thể i* dẫn đến lợi bất cập hại. Vì mất đi sự *phân biệt* nghĩa các yếu tố đồng âm: *kì cộ/kỳ vọng, tỉ tròn/công ty*,... và mất sắc thái văn hoá: viết *Tý* khác viết *Tỉ* trong tên riêng,...

② Về chính tả, viết *phân biệt i/y* không phải là khó khăn không thể vượt qua, vì ngoài thói quen, có thể phân biệt bằng bằng tiêu chí từ *thuần Việt* và *Hán Việt*.

Trong bài này, chúng tôi xin nhấn mạnh và bàn tiếp một số điểm cho thấu đáo hơn.

1. Việc *nhất thể i* và sự lộn xộn *i/y* bắt đầu từ bao giờ?

1.1. Xem lại các sách báo, chúng tôi thấy rải rác từ lâu, đã có hiện tượng viết lộn *i/y* nhưng rất ít. Nhìn chung, sách báo trước năm 1980 – tức là trước khi có quy định của Bộ Giáo dục *nhất loạt i* thì việc viết phân biệt *i/y* khá phân minh. Việc *nhất thể i* cũng như hiện tượng viết lộn xộn *i/y* bắt đầu từ khi có *Một số quy định về chính tả trong sách giáo khoa cải cách giáo dục* ban hành ngày 30-11-1980 (gọi tắt là *Quy định 1980*), do Thứ trưởng Bộ Giáo dục Võ Thuần Nho và Phó Chủ nhiệm UBKHXXH Phạm Huy Thông ký. Văn bản này (không ghi số) quy định như sau:

“*Riêng trường hợp các âm tiết có nguyên âm i ở cuối thì viết thống nhất bằng i, trừ uy, như duy, tuy, quy,...; thí dụ: kì dị, lí trí, mỹ vị.*

Chú ý: *i* hoặc *y* đứng một mình hoặc đứng đầu âm tiết vẫn viết theo thói quen cũ, thí dụ: ý nghĩa, y tế, i eo, im, yêu”..

Ngày 5-3-1984, Bộ Giáo dục lại có Quyết định số 240/QĐ *Quy định về chính tả tiếng Việt và thuật ngữ tiếng Việt* (Bộ trưởng Nguyễn Thị Bình ký, gọi tắt là *Quy định 1984*). Quy định này không đề cập cụ thể trường hợp *i/y* mà viết chung như sau:

“*Về những từ tiếng Việt mà chuẩn chính tả hiện nay chưa rõ, có thể nhận thấy những trường hợp chủ yếu sau đây, và đối với mỗi trường hợp, nên dùng tiêu chí thích hợp. Cụ thể là:*

a) *Dùng tiêu chí thói quen phát âm của đa số người trong xã hội, mặc dù thói quen này khác với từ nguyên (gốc Việt hay gốc Hán). Thí dụ:*

chổng gọng (tuy là *chổng gọng* theo từ nguyên); *đại bàng* (tuy là *đại bàng* theo từ nguyên)

b) *Dùng tiêu chí từ nguyên khi thói quen phát âm chưa làm rõ một hình thức ngữ âm ổn định. Thí dụ: trí mạng* (tuy cũng có gặp hình thức phát âm *chí mạng*)

c) *Khi trong thực tế đang tồn tại hai hình thức chính tả mà chưa xác định được một chuẩn duy nhất, thì có thể tạm thời chấp nhận cả hai hình thức ấy, cho đến khi nào thói quen sử dụng nghiêng hẳn về một hình*

thức. Thí dụ: *eo sèo* và *eo xèo*; *sứ mạng* và *sứ mệnh*.

Quyết định số 240/QĐ còn ghi rõ: “*Những quy định trước đây trái với quyết định này đều bãi bỏ*”. Có nghĩa là kể từ 5-3-1984, Quy định 1980, trong đó có việc *nhất thể i*, đã không còn giá trị. Không hiểu sao sau đó *Quy định 1980* vẫn được in lại nhiều lần trong các giáo trình tiếng Việt (?).

Quy định 1984 ra đời trên cơ sở *Quyết nghị* của *Hội đồng chuẩn hoá chính tả* (GS. Phạm Huy Thông làm chủ tịch) và *Hội đồng chuẩn hoá thuật ngữ* (GS. Nguyễn Cảnh Toàn làm chủ tịch). Hai hội đồng này thành lập từ 25-12-1982, qua xem xét nhiều góp ý và qua nhiều phiên thảo luận, cuối cùng đã ra *Quyết nghị* ngày 1-7-1983. Trong *Hội đồng chuẩn hoá chính tả* có GS. Hoàng Phê, về sau chủ biên *Từ điển tiếng Việt*, in lần đầu năm 1988, được tái bản nhiều lần. Trong tham luận, Hoàng Phê đề nghị *nhất thể i* trong 6 âm tiết mở (viết *hi, ki, li, mi, si, ti*) Nhưng như ta thấy, điều này không có trong *Quy định 1984* cũng như trong *Quyết nghị*, chứng tỏ đó chỉ là ý kiến cá nhân. Và khi làm *Từ điển tiếng Việt*, Hoàng Phê vẫn chấp nhận cả cách viết *hy, ky, ly, my, sy, ty*, chỉ có điều ông chọn hình thức *i ngắn* để giải nghĩa, còn hình thức *y dài* thì chuyển chú. Chỗ này làm nhiều người lầm tưởng hình thức *i ngắn* là chuẩn duy nhất.

1.2. Như vậy, có thể thấy sự tồn tại hai cách viết hiện nay là do:

① Việc *nhất thể i* trong *Quy định 1980* được thực thi ở sách giáo khoa cải cách giáo dục, bắt đầu từ 1980 (lớp 1), hoàn tất 1992 (lớp 12). Trong khoảng thời gian đang thay sách thì có văn bản mới thay thế. Tuy nhiên NXB Giáo dục vẫn tiếp tục cách viết *nhất thể i*. Phải chăng để khỏi “tiền hậu bất nhất”, những người làm sách đã vận dụng phần “đề ngỏ” trong *Quy định 1984*? Hoặc họ là những người ủng hộ quan điểm *nhất thể i*.

Vì như ta thấy, trong đợt thay SGK mới đây (2002 – 2008), NXB Giáo dục và NXB Đại học Sư phạm (Hà Nội) vẫn tiếp tục *nhất thể i*. Cả một lớp người đông đảo đã được *nhất thể i* thông qua ghế nhà trường suốt 30 năm qua!

② Mặt khác, các cơ quan xuất bản và báo chí không thuộc Bộ Giáo dục không chịu sự tác động pháp lý của các văn bản trên vẫn tự lựa chọn chính tả theo quan niệm của mình, cho nên hầu hết họ vẫn duy trì việc *phân biệt i/y* như trước năm 1980. Tìm hiểu sách của 49/59 nhà xuất bản hiện nay chúng tôi thấy 46 nhà xuất bản vẫn *phân biệt i/y*. Khảo sát hơn 100 tờ báo và tạp chí (viết), cũng chỉ thấy mấy tạp chí chuyên ngành ngôn ngữ là *nhất thể i*, gồm *Ngôn ngữ* (Viện Ngôn ngữ học), *Ngôn ngữ và đời sống* (Hội Ngôn ngữ học Việt Nam), *Từ điển học và bách khoa thư* (Viện Từ điển và Bách khoa thư Việt Nam), còn lại đều viết *phân biệt i/y*, kể cả một số báo và tạp chí của ngành giáo dục như *Giáo dục và thời đại*, *Thế giới mới*, *Thế giới trong ta*. Một số tác giả có sách ở NXB Giáo dục đã đề nghị *phân biệt i/y* trong một số sách nghiên cứu. Các tên riêng trong sách của NXB Giáo dục, trước áp lực của xã hội, cũng dần đổi từ *i ngắn* sang *y dài*.

2. Những hệ lụy của việc *nhất thể i ngắn*

Những tác giả muốn *nhất thể i* để tránh “bất hợp lý” nhưng thực ra lại lâm vào những hệ lụy khác.

2.1. Việc *nhất thể i* chỉ giải quyết được mỗi một lý do về ngữ âm học: *1 âm chỉ ghi bằng 1 chữ*. Nhưng chữ viết, dù là chữ ghi âm, đâu chỉ có mỗi việc là ghi lại phát âm. Ngoài ghi âm, trong nhiều trường hợp, nó còn ghi lại ý nghĩa hoặc thoả mãn một khía cạnh văn hoá, lịch sử. Lấy thí dụ đơn giản, những cách viết Bắc Kạn, Kon Tum (tên đất), Ba Cù, Hai Bù (tên người) là “sai” chính tả, nhưng nó có lý do tồn tại (không

đơn giản rằng đó chỉ là “chiều” theo sở thích của cá nhân). Ngay hình thức chính tả *i/y* cũng không thể *nhất thể i* trường hợp */i/* một mình làm âm tiết: (*khóc*) *i* */y* *tế*, *âm i/ sức y*, *i eo/ y lại*, *í ói/ ý nghĩa*,...

2.2. Sự không “ăn khớp” giữa âm và chữ của chữ QN là không nhỏⁱⁱ. Theo lý thuyết thì điều này gây khó khăn cho chính tả, nhưng thực tế cũng không khó khăn lắm, do khi viết có hiện tượng “nhớ mặt chữ” chứ không phụ thuộc tất cả vào phát âm. Cái sự “bất hợp lý” *i/y* là quá nhỏ so với hàng loạt trường hợp “bất hợp lý” khác.

Giả sử tại thời điểm này, nếu sáng tạo ra một thứ chữ quốc ngữ mới, thì hoặc là dựa hẳn vào ngữ âm của một vùng (chọn làm chuẩn) và những vùng khác phải chấp nhận vênh lệch, hoặc là chấp nhận một chính tả “siêu phương ngữ” với những vênh lệch khác nhau của tất cả các vùng (như tình trạng hiện nay). Và như vậy, dù một thứ chữ mới tinh cũng vẫn “bất hợp lý” như thường.

2.3. Có lập luận cho rằng chữ viết bị cố định trong khi ngữ âm luôn biến đổi, đến một lúc nào đó sẽ tạo ra “bất hợp lý”, do đó việc cải tiến chữ viết là cần thiết. Nhưng thử xem, chỉ cần cải tiến vài lần như vậy, đến một lúc nào đó, con cháu sẽ không đọc được chữ của ông cha nữa! Kinh nghiệm của người Anh, người Pháp cho thấy không cần và không nên sửa đổi chữ viết. Thực ra, họ đã từng có xu hướng muốn cải cách chữ viếtⁱⁱⁱ. Nhưng họ đã mau chóng nhận ra sai lầm và đến nay “*họ chẳng chỉ những người không được bình thường may ra mới còn nghĩ đến chuyện cải cách chính tả Anh hay Pháp, mặc dù so với chữ QN, hai chính tả này còn xa cách phát âm gấp bội*”^{iv}.

Chúng tôi nghĩ bất cứ ai chỉ cần nghe giảng 30 phút cũng thấy ngay tất cả mọi “bất hợp lý” của chữ QN, chứ không chỉ *i/y*. Nhưng chữ QN với hình thức chính tả như hiện nay đã ổn định khoảng gần một trăm

năm mà không gặp khó khăn gì đáng kể. Tóm lại, sự *nhất thể i* không đem lại sự sang giàu gì hơn cho chữ QN.

2.4. Sẽ vẫn có người bảo sáp nhập *i/y* thì ít nhất cũng đỡ rắc rối về một trường hợp chính tả. Điều này cũng không chính xác. Hiện nay vẫn tồn tại nhiều “bất hợp lý” hơn thế mà không gây khó khăn đáng kể, ví dụ:

– Trường hợp một âm ghi bằng 2, 3 cách như *g/gh*, *ng/ngh*, *c/k/q*. Cả 3 trường hợp này tuy đều có quy tắc (đứng trước *i*, *e*, *ê* thì viết *gh*, *ngh*, *k*), nhưng thực tế đại đa số người viết không biết đến quy tắc mà vẫn viết đúng.

– Loại chính tả *d/gi* không có cả quy tắc ngữ âm nhưng cũng không khó khăn lắm. Ngoại trừ vài trường hợp ít dùng, đại đa số người Việt viết đúng một cách rất tự nhiên do *phân biệt nghĩa* và *nhớ mặt chữ*. Trường hợp *i/y* rất giống *d/gi* nhưng còn dễ hơn vì chúng có số lượng ít hơn và gần như hoàn toàn thuộc về hai lớp từ đối lập (Hán Việt và thuần Việt), có thể khái quát thành quy tắc (xem phần 3).

2.5. Một vài nhà xuất bản chủ trương *nhất thể i* nhưng lại “chiều cổ” tên riêng cho phép viết *y dài*, sinh ra *tiền hậu bất nhất* trong một số trường hợp. Ví dụ, viết *mỹ lệ*, *mỹ thuật*, *thẩm mỹ*, còn tên riêng thì viết *Mỹ Lệ*, (*Trương*) *Mỹ Hoa*, *Chương Mỹ*, *Phú Mỹ*, trong khi các chữ “mỹ” này đều có nghĩa là “đẹp”.

2.6. Đối với những từ ngữ và tên riêng nước ngoài chứa *y*, nếu biến thành *i* sẽ mâu thuẫn với chủ trương *phiên chuyển* (phiên âm kết hợp chuyển tự) là hình thức đang được số đông đề nghị hiện nay^v. Ngược lại, nếu giữ *y*, sẽ giữ được hình thức sát nguyên ngữ hơn: *hydrogenium* → *hy-đrô*; *Myanmar* → *My-an-ma*.

Nói tóm lại, việc *nhất thể i* cũng giống như đề xuất *nhất thể* nhiều trường hợp khác

(d/gi; c/k/q,...) chỉ là lý tưởng “hoàn thiện” chữ QN, sao cho hệ thống chữ cái khớp một cách “chắn chắn” với hệ thống âm vị^{vi}, nghĩa là chỉ để *thoả mãn cái lý thuyết* về loại hình chữ ghi âm của chữ QN, chứ không giải quyết được gì cả. Chưa kể, nó còn phá hoại một hệ thống đã ổn định, đã hợp lý. Điều này cũng phi lý như một số người chủ trương ngược lại: đặt ra một *chuẩn chính âm theo sát hệ thống chữ viết hiện hành*, mà nếu thực hiện được nó sẽ phá hỏng cả tiếng Việt^{vii}. Còn bảo để giải quyết vấn đề lỗi chính tả thì đó chỉ là việc làm vô ích. Tình trạng viết sai chính tả do những nguyên nhân khác^{viii}, không phải do những “bất hợp lý” của chữ viết hay do chưa có chuẩn chính âm.

3. Tiếp tục “cái lý y dài”

3.1. Việc *phân biệt i/y* cho đến nay vẫn được duy trì ở nhiều khu vực, hẳn là có lý do của nó. Như trên đã nói, 46 nhà xuất bản và hầu hết báo chí vẫn viết *phân biệt i/y*, chỉ có 3 nhà xuất bản *nhất thể i* là Giáo dục, Đại học Sư phạm và Từ điển Bách khoa.

3.2. Khảo sát sách của NXB Giáo dục xuất bản trước 1980 và của các nhà xuất bản viết *phân biệt i/y* hiện nay, chúng tôi thấy về cơ bản là viết đúng (chỉ trường hợp *kĩ/kỹ* là có nhầm lẫn). Như vậy, không thể lấy lý do “khó viết” mà nhập *i/y* làm một. Trước khi có *Quy định 1980*, việc *phân biệt i/y* đã khá ổn định. Sự “nhiều” *i/y* chỉ bắt đầu từ khi có *Quy định 1980*. Phát biểu tại Hội nghị về tình hình chính tả trong văn bản tiếng Việt ngày 28-7-2010, GSTS. Trần Trí Dõi cũng nhận xét như vậy: “*Cách viết i và y thống nhất thành i không có trong Quyết định 240/QĐ ngày 5-3-1984 của Bộ Giáo dục. Người ta chỉ thấy đó là cách dùng riêng trong sách giáo khoa của NXB Giáo dục sau khi “cải cách giáo dục và sách giáo khoa”. Vì thế, nó đã không được cộng đồng sử dụng ngôn ngữ đồng thuận chấp nhận*”.

3.3. Trong chừng mực nhất định, chúng tôi cũng đã tìm hiểu *dur luận xã hội*. Các ý kiến phản hồi chúng tôi nhận được gần như không có ai coi *nhất thể i* là hay, nhất là trong các trường hợp *ti tròn/ công ty, bé tí/ tuổi tí, kì cọ/ quốc kỳ, (cười) hi hi/ hy sinh*, tức là khi cần phân biệt sắc thái khẩu ngữ với trang trọng, giữa tính gọi tả với tính trừu tượng.

Về mặt mỹ thuật, *dur luận* chung đều cho rằng viết y “đẹp” hơn. Theo chúng tôi, hình thức y “đẹp mắt” hơn i vì trước hết do chính sắc thái nghĩa của từ ngữ khi viết y (từ Hán Việt) mang lại. Nhưng cũng có một phần lý do “hình thể”. Y có nét lượn, tạo sự uyển chuyển. Hơn nữa, khi đi với các chữ cái **h, k, l, m, s, t** (chữ thường) nó tạo ra sự hài hoà, cân đối do có cả nét đi lên và nét đi xuống (phía dưới dòng kẻ). Hãy so sánh: *công ti/ công ty, hi vọng/ hy vọng, hí viện/ hý viện, quốc kì/ quốc kỳ, thư kí/ thư ký, nguyên lí/ nguyên lý, biệt lí/ biệt lý, thẩm mĩ/ thẩm mỹ, hoạ sĩ/ hoạ sỹ, v.v..* Chính vì thế, trong tên riêng, gần như gần 100% người ta chọn y dài. Hầu hết các báo và tạp chí, các tên cơ quan, tổ chức, tên cửa hàng, cửa hiệu, các biển quảng cáo đều chọn y dài (tất nhiên là chỉ đối với từ Hán Việt).

Khi tôi viết những dòng này, cả nước đang hướng về đại lễ một nghìn năm Thăng Long Hà Nội. Hàng ngàn biểu ngữ treo hai bên đường phố đều viết KỶ NIỆM, dòng chữ trang trọng nhất đặt vườn hoa Lý Thái Tổ cho khai mạc đại lễ viết:

ĐẠI LỄ KỶ NIỆM 1000 NĂM THĂNG LONG HÀ NỘI

Trong trường hợp này không thể viết KỈ (*i ngắn*), dù KỈ là hình thức “chuẩn” ghi trong nhiều từ điển hiện nay.

Đây là minh chứng cho cảm thức của số đông. Trong ngôn ngữ, cảm thức của số đông ít khi vô lý. Học giả Cao Xuân Hạo viết: “*Bản thân nó* (cảm thức ngôn ngữ của

số đông - ĐTT) có thể không phải là một sự kiện ngôn ngữ chính danh, nhưng nó là cái phản ánh chân xác của một sự kiện khách quan của ngôn ngữ. Công việc của nhà ngữ học chính là phát hiện và trình bày ra một cách hiển ngôn những sự kiện khách quan được phản ánh trong cảm thức bất tự giác của người bản ngữ. Và xưa nay các nhà ngữ học, (...) mỗi khi thủ pháp của họ đưa tới một kết quả trái với cảm thức ấy, họ thường phải từ bỏ quan điểm ban đầu để tìm cách đi đến một kết quả phù hợp với cảm thức ấy hơn”^{ix}.

Chúng tôi nghĩ chỉ riêng thực tế trên cũng đủ để các nhà ngữ học xem lại quan điểm nhất thể i.

3.4. Tuy nhiên bây giờ đặt vấn đề viết phân biệt *i/y* vẫn khiến nhiều người băn khoăn. Quả thực, ở thời điểm hiện nay, viết phân biệt *i/y* gần như là “cái mới” (sự thực chỉ là trở lại), vì qua ba thập niên, thói quen nhất thể *i* đã hình thành ở không ít người. Cho nên băn khoăn nhiều nhất vẫn là tính khả thi. Thực ra chỗ này mới nghĩ thì tưởng khó nhưng xem xét kĩ thì thấy vấn đề đơn giản hơn nhiều. Hai thực tế sau đây rất đáng lưu ý:

3.4.1. Chữ QN tuy là chữ ghi âm nhưng khác rất xa các chữ Ấn Âu. Trong các ngôn ngữ Ấn Âu, gần như phải phát âm đầy đủ từng âm vị, thì tiếng Việt phát âm thành từng âm tiết (tiếng), dù âm tiết đó gồm bao nhiêu âm vị thì cũng chỉ phát âm một lần, tiếng có nhiều âm vị cũng có độ dài như tiếng chỉ có một âm vị. Mỗi âm tiết là một khối “tròn vành rõ chữ”, không nối sang nhau (kiểu như *Thank you* của tiếng Anh). Cho nên trong khi các chữ viết Ấn Âu phải ghi từng âm vị thì chữ QN ghi lại âm tiết (tiếng).

Điều này rất hiển nhiên nhưng khi vận dụng hệ quả của nó vào chính tả thì lại chỉ có một số ít tác giả nhận thấy. Đó là hiện tượng tiếng Việt chỉ có một số lượng âm tiết

nhất định (theo một số thống kê, khoảng 6000). Trong phát biểu mới đây (28-7-2010, đd), GS. Trần Trí Dõi cũng khẳng định: “Theo nhận thức của chúng tôi, đúng như GS Hoàng Phê đã chỉ ra “chính tả tiếng Việt đơn thuần là chính tả âm tiết”. Thành thử khi chúng ta kiểm soát được số lượng âm tiết lưu hành trong thực tế tiếng Việt thì việc quy định chính tả cũng là một điều có thể làm được và hoàn toàn không khó khăn trong việc sử dụng”. Số âm tiết cần phân biệt về chính tả lại ít hơn nhiều so với tổng số âm tiết nói trên (theo một số tác giả, đối với người Bắc Bộ, cần khoảng 1950 âm tiết – chiếm 29% tổng số âm tiết). Thực tế lại ít hơn thế nữa. Ví dụ, khi viết *ch/tr*, *d/gi*, *s/x*, chỉ có một số trường hợp khó, chứ những trường hợp như *quả chanh/ đấu tranh*, *da thịt/ gia đình*,... thì hầu như chẳng mấy ai phải băn khoăn. Trường hợp *i/y* còn đơn giản hơn *d/gi* nhiều.

Tình hình đó khiến ta yên tâm việc phải ghi nhớ: với một số lượng nhỏ những chữ “có vấn đề” về chính tả thì hoàn toàn có thể ghi nhớ được, dễ hơn nhiều so với việc phải sửa phát âm hay phải nhất thể chữ viết (*i/y*, *d/gi*,...).

3.4.2. Mặt khác, việc ghi nhớ cũng không hoàn toàn là máy móc, nếu chúng ta biết đến hiện tượng *gestalt* (chúng tôi đã đề cập trong bài trước), đó là cách tri nhận tổng thể, toàn bộ của thần kinh thị giác giúp ta đọc chữ như tri giác những hình ảnh khác trong thế giới khách quan. Trẻ em bắt đầu học chữ có thể “đánh vần” (ghép từng âm vị) tương tự như cách đọc chữ Ấn Âu, nhưng khi quen rồi thì đọc thành từng tiếng - chữ, mỗi chữ đúng một tiếng, mỗi tiếng đúng một chữ. Do đặc thù này, nên mặc dù là chữ ghi âm nhưng theo chúng tôi, chữ QN ít nhiều có tính ghi ý hoặc chứa sẵn tiềm năng ghi ý. Điều này giải thích tại sao phương ngữ Nam Bộ có ngữ âm xa rời chữ viết khá lớn mà người Nam Bộ, chỉ trừ người học văn quá thấp, ít đọc (chưa

quen mặt chữ), còn thì việc viết đúng chính tả là chuyện không đến nỗi quá khó khăn.

Có thể kiểm nghiệm tính ghi ý của chữ QN khi đọc các chữ tắt tiếng Việt, đó là *đọc thẳng* các chữ gốc hết như khi viết đầy đủ: HS, GV, BS, GSTS, HTX, XHCN, TTXVN = *học sinh, giáo viên, bác sỹ, giáo sư tiến sỹ, hợp tác xã, xã hội chủ nghĩa, thông tấn xã Việt Nam, trước công nguyên* (chứ không đọc *hát ét, giê vê, bê ét, giê ét tê ét, hát tê ích-xì, ích-xì hát xê en-nờ. tê tê ích-xì vê en-nờ*). Trong khi tiếng Anh đọc từng chữ cái hoặc ráp vần: BBC /bi:bi:si:/ = British Broadcasting Corporation (Tập đoàn Truyền thanh Anh), NATO /neitou/ = North Atlantic Treaty Organization (Minh ước Bắc Đại Tây Dương).

Hiện tượng trên cho thấy việc đọc chữ QN giống như đọc các “hình ảnh” (mỗi *chữ - tiếng* là một “hình ảnh”) mà số “hình ảnh” này là có hạn, cho nên “quen” đến nỗi nhìn cái là nhận ra, bỏ qua khâu “đánh vần”. Và do đó hoàn toàn có thể nhớ “mặt chữ”.

3.5. Với đặc thù trên, ta có thể liệt kê một số lượng *từ/ từ tố - chữ viết* dùng *i* hoặc *y* để ghi nhớ theo quy tắc: từ thuần Việt viết *i*, từ Hán Việt viết *y*. Với đại đa số chỉ cần ghi nhớ, không cần biết đâu là thuần Việt, Hán Việt, nhưng muốn muốn xác định cũng không khó lắm, dựa vào các đặc trưng sau:

Đặc trưng	Thuần Việt	Hán Việt
Khả năng kết hợp của từ tố	Dùng độc lập: hai con <i>sông</i> , ba quả <i>núi</i> , bốn <i>nước</i> ,...	Không dùng độc lập: không nói hai <i>hà</i> , ba <i>son</i> , bốn <i>quốc</i> ,...
Tính biểu cảm	Có nghĩa cụ thể, hình tượng: <i>con gái</i> , <i>đàn bà</i> , <i>con đĩ</i> ,...	Có nghĩa khái quát, trừu tượng: <i>thiếu nữ</i> , <i>phụ nữ</i> , <i>kỹ nữ</i> ,...
Màu sắc phong cách	Sắc thái thông tục, khẩu ngữ, bình dân: <i>vợ</i> , <i>chồng</i> , <i>anh em</i> ,...	Sắc thái chính quy, trang trọng, bác học: <i>phu nhân</i> , <i>phu quân</i> , <i>huynh đệ</i> ,...

Riêng đối với các từ chứa tiếng vần /i/ có phụ âm đầu /h, k, l, m, s, t/ đang bàn, ngoài đặc điểm trên, còn có hiện tượng này để nhận ra:

– Các từ thuần Việt (viết *i*), hầu hết là từ đơn hoặc từ láy: *hí hoáy, kì cách, kì kèo, lì loa, lí nhí, sì sụp, tí hí, tí toe*,...

– Các từ Hán Việt (viết *y*) hầu hết là từ ghép: *hy vọng, hiếu hỷ, hý khúc, kỳ dị, nguyên lý, tỷ lệ, tỵ địa, công ty*,...

Tất nhiên vẫn có một vài ngoại lệ, đó là chuyện bình thường trong ngôn ngữ. Bản liệt kê dưới đây cung cấp danh sách từ và từ tố thông dụng.

H-: hi, hi, hí, hi hi, hi hi, hí hí (mô phỏng tiếng cười/ tiếng khóc), (ngựa) hí, hi hục, hi hụi, hi hủ, hi mũi, hí hoáy, hí húi, hí hửng, hí hớn; hủ hi, hủ hủ (biến âm của *hể hủ*) ; hậu hĩ; hị hị (tiếng khóc); hy sinh (*hy, sinh*: những con vật để tế thần → chỉ cái chết cao cả hoặc bỏ hết quyền lợi để làm việc nghĩa); hy vọng (*hy*: trông mong), hy hữu (*hy*: ít); hiếu hỷ, hoan hỷ, song hỷ, nhị hỷ, hỷ xả,... (*hỷ*: vui); du hý, hý kịch, hý khúc, hý trường, hý viện (*hý*: vui đùa), (cây) hy thiêm, (khí) hy-đrô.

K-: ki bo, ki cóp, ki-lô-gam, ki-ốt, kì cách, kì cọ, kì kèo, kì cùng, kì đà, kì giống, kí (ki-lô-gam), kí ninh (quinin); kĩ càng, cũ kĩ, cụ kĩ ; quốc kỳ, kỳ đài, cầm kỳ thi tửu (*kỳ*: cờ), học kỳ, kỳ thi, kỳ nghỉ, trường kỳ (*kỳ*: khoảng thời gian nhất định để làm một việc hay xảy ra một sự việc); kỳ ảo, kỳ lạ, ly kỳ, kỳ diệu, kỳ binh, kỳ dị, kỳ ngộ, kỳ quan, kỳ quái, kỳ tài, kỳ vĩ (*kỳ*: lạ), kỳ cựu, kỳ hào, kỳ mục (*kỳ*: già cả), kỳ lân (con vật tưởng tượng), kỳ thị (*kỳ*: không đều), kỳ vọng (*kỳ*: trông mong); kỷ cương, kỷ luật (*kỷ*: phép tắc), kỷ yếu, kỷ lục, kỷ niệm (*kỷ*: ghi chép), thế kỷ (*kỷ*: khoảng thời gian); ca kỹ, kỹ nữ (*kỹ*: múa/ mãi dâm; phụ nữ làm nghề hát xướng thường bị lợi dụng hành nghề mại dâm); kỹ năng, kỹ sư, kỹ thuật, kỹ nghệ, kỹ

xảo (kỹ: khéo); ký âm, ký chú, du ký, chữ ký, ký giả, ký hiệu, ký họa, ký kết, ký sự, thư ký, ký ức (kỹ: ghi chép), ký gửi, ký sinh, ký thác, ký túc xá (kỹ: gửi); ký khí, đồ ký (kỹ: ghét); ký bình, ký mã, ký sỹ (kỹ: ngựa); ký nhật (kỹ: cấm – ngày giỗ tức ngày chết của cha mẹ coi là ngày cấm).

L-: (cái) li, li-e, chi li*, cu li, mi li (nói tắt của milimet/ miligam), (ngủ) li bì, (nhỏ) li ti, li-ti (tên một nguyên tố), lâm li*, va li, li, phẳng lì, nhẵn lì, li loa, li lợm, li xì, (nói) lí nhí, lũ lĩ, (mà, chứ) lì, kiết lị; ly (một quẻ trong bát quái), cách ly, ly cách, biệt ly, ly biệt, ly gián, ly hận, ly hôn, ly khai, ly tán, ly tâm (ly: lìa ra); địa lý, vật lý, nguyên lý, lý thuyết, lý do, lý giải, lý luận, lý sự, lý thú, lý tính, lý trí, lý tưởng (lý: lẽ, nguyên do), hương lý, hào lý, lý trưởng (lý: làng), hải lý, đường thiên lý (lý: dặm), lý lịch (lý: thực tiễn, làm việc); tỉnh lý, quận lý, lý sở (lý: sở, nơi chốn).

M- (nốt) mi, (nhà) mi, mi-ca, mi-crô, mi mắt, cù mì, lúa mì, khoai mì, mì sợi, mì chính*, mí (lại), rẽ mí, tí mì, mù mì*; tu my, nga my (my: lông mày), nhu mỹ (mỹ: biến âm của mỹ - “đẹp” (?); mỹ cảm, mỹ học, mỹ lệ, mỹ mẫn, mỹ miều*, mỹ nhân, mỹ nữ, mỹ phẩm, mỹ quan, mỹ thuật, mỹ tục, mỹ từ, mỹ tửu (mỹ: đẹp); mỹ dân, ma mỹ (mỹ: làm cho người ta mê), uỷ mỹ, kiều mỹ, thủy mỹ, mỹ nương (mỹ: đẹp đẽ).

S-: cây si, nốt si, si-lic, đen sì, hôi sì, hàn sì, sì sụp, mua si (mua buôn); ngu sy, sy tình, sy mê (sy: ngu, ngốc), quốc sỹ, sỹ nhục (sỹ: hổ thẹn); quốc sỹ, sỹ diện, sỹ khí, kẻ sỹ, sỹ phu, sỹ số, sỹ tử (sỹ: trí thức, học trò); sỹ quan, tướng sỹ, sỹ tốt, tử sỹ (sỹ: lính).

T-: ti (vú), ti hí, (hoa) ti gôn, ti-tan, ti toe, đỉnh ti, ti tròn, (bé) ti ti, (khóc) ti ti, ti tiện*, (uống) tì tì, tì vết, tì tay, (liền) tù tù, tí toáy, tí tách, tí teo, tí ti, tì (số đếm), tì mĩ, tì tê, bạc tì, tì (hậu môn loài chim), tị nạnh; ty (sở ngày trước), công ty (ty: quản lý), trúc ty (ty:

tơ); tự ty (ty: thấp hèn); tỳ vị (tỳ: lá lách), tỳ bà (một loại đàn), nô tỳ, tỳ thiếp (tỳ: đầy tớ), tỳ tướng (tỳ: nhỏ hơn; tỳ tướng: phó tướng), tỳ vị (tỳ: lá lách); tỳ giá, tỳ lệ, tỳ lệ thức, tỳ lệ xích, tỳ số, tỳ thí, (phương pháp) tỳ dụ (tỳ: so sánh); tỳ dụ, tỳ như (tỳ: ví dụ); ngọc tỳ (quả ắn); tỵ (tên 1 chi trong 12 chi/ chi năm), tỵ nạn, tỵ địa (tỵ: lánh, bỏ); ty (tên 1 chi trong 12 chi/ chi năm)

Ghi chú:

♦ Các từ gốc Ấn Âu được viết *i* hay *y* tùy theo nguyên ngữ.

♦ Các hình thức Hán Việt không có là: hỳ, lý, lỹ, lỷ, mỷ, mỷ, sỷ, sỷ, sỷ, tỷ. Các hình thức thuần Việt không có là: kị, li, mĩ, sí, sị. Các hình thức thuần Việt ít gặp là: kị (biến âm của *cấy* - cộc vào đầu), kị (biến âm của *kì* trong *kì cọ*); lĩ (*lũ lĩ*), mĩ (*tỉ mĩ*).

♦ Một số từ ngoại lệ (đánh dấu sao), gồm:

– Những từ Hán Việt có ngữ âm như từ láy nên người Việt đã cảm thức nó như từ láy (nhiều tác giả gọi các từ này là *từ láy Hán Việt*), chúng tôi coi là từ thuần Việt: *chỉ li* (chỉ: *nhánh*; li: *tách ra*); *lâm li* (lâm: *nước nhỏ giọt*; li: *nước thấm vào*); *tì tiện* (tì: *thấp hèn*; tiện: *hèn*). Tương tự còn có *hậu hĩ*, *mụ mị* (một yếu tố còn cảm nhận được nghĩa). Riêng *mỹ miều* thì *mỹ* vẫn rõ nghĩa gốc nên xếp vào từ Hán Việt.

– Những từ mượn tiếng Hán hiện đại, chúng khác hẳn từ Hán Việt, nên coi như từ gốc Ấn Âu: *mì chính*. *Kí ninh* tuy mượn âm Hán Việt nhưng gốc Ấn Âu (quinin), nên tạm coi là mượn Ấn Âu.

♦ Trường hợp *kỹ* (kĩ càng) và *sỹ* (kẻ sỹ), nhiều sách, kể cả sách viết trước 1980 (phân biệt *i/y*) viết ngược lại là *kỹ* và *sỹ*, đó là hai trường hợp viết không chuẩn.

Kết hợp sự ghi nhớ và phần nào sự phân biệt *thuần Việt/ Hán Việt*, ta thấy việc viết *phân biệt i/y* hoàn toàn khả thi vì: số lượng từ thuần Việt ít, có đặc điểm cấu trúc và ngữ

âm dễ nhận ra, còn từ Hán Việt chỉ do một số ít từ *tổ gốc* tạo thành, tất cả khoảng 25 từ tổ gốc (ở đây gộp cả các từ tổ đồng âm khác nghĩa, miễn nó là từ tổ Hán Việt, viết y).

Thay lời kết

Viết đến đây chúng tôi thấy cần phải nói lời xin lỗi, vì chỉ có hai chữ *i/y* mà nói khá dài, làm mất thì giờ của độc giả. Nhưng biết làm sao được, nếu không đặt trong hệ thống tiếng Việt – chữ Việt, sẽ không thể nào “bào chữa” cho những “bất hợp lý” của *i/y*, nhất là trong bối cảnh đang có sự lộn xộn, nhiều người muốn nhập *i/y* làm một không chỉ vì sự “hợp lý” mà chỉ vì tránh sự “rắc rối”. Với giới chuyên môn, nếu chúng tôi có làm méch lòng các bậc trí giả thì cũng chỉ vì tình yêu tiếng Việt. Chúng tôi cảm thấy nếu *nhất thể i* sẽ là đánh mất một phần gia tài tiếng Việt của cha ông, cho nên chúng tôi đành nhọc lòng và chịu mất lòng nữa để bảo vệ cho cách viết phân biệt *i ngắn* và *y dài*.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 26-09-2010)

ⁱ Xem *Ngôn ngữ và đời sống* số 6/2005, *Xuất bản Việt Nam* số 4/2010 và Tham luận tại *Hội thảo Ngôn ngữ học toàn quốc* tháng 4/2010.

ⁱⁱ Một vài ví dụ: *g/gh* cùng ghi âm /g/, *ng/ngh* cùng ghi âm /ng/, thậm chí 3 chữ cái *c/k/q* cùng ghi âm /k/. Âm đệm /u/ vừa viết là *u* vừa viết là *o* (*huy hoàng*), /a/ă/ đều viết *a*: *sao/sâu*. Nguyên âm đôi /iê/ viết *iê/ia*: *chiến/chia*, /uơ/ viết *uơ/ua* (*thương/thua*), v.v.. Tiếng Bắc không phân biệt /tr/ch, s/x, d/gi/r/. Từ Thanh Hoá trở vào cho hết miền Nam không phân biệt *hỏi/ngã*. Từ phía nam Quảng Bình trở vào bắt đầu không biệt âm cuối /c/t, n/ng/ và từ Thừa Thiên – Huế trở vào thì hoàn toàn mất sự phân biệt trên. Riêng Nam Bộ còn không phân biệt các phụ âm đầu /v/d/, không phân biệt /g/h/k/ khi có âm đệm (*huế* → *guế*; *quang* → *goang*), không phân biệt âm chính /i/iê/ (*tim/tiêm*), đánh mất âm đệm /u/ khi đi với các nguyên âm /ê, i/, trừ khi đi với /g/h/k/ (*tuệ* → *tê*; *thuý* → *thí*), *lã*

→ *al* (*cháu* → *cháo*, *tay* → *tai*). Có những tiếng không một vùng nào phát âm “đúng”. Ví dụ *săn*, Bắc Bộ đọc *xăn*; Thanh Hoá – Quảng Bình: *săn/sận*; Huế trở vào: *sặng/sặng/xặng*.

ⁱⁱⁱ Ví dụ trong tiếng Anh, /e/ khi đứng cuối từ, ngoại trừ “the”, không được phát âm: *bite* /bait/, *distance* /dist ns/, *line* /lain/. Một âm ghi bằng nhiều chữ, và một chữ ghi cho nhiều âm cũng là hiện tượng phổ biến.

^{iv} Cao Xuân Hạo, *Tiếng Việt, văn Việt, người Việt*, NXB Trẻ, 2001.

^v Xem *Về bản dự thảo Quy định cách viết cách đọc tên riêng nước ngoài trong các văn bản quản lý nhà nước*, *Ngôn ngữ và đời sống* số 6/2006.

^{vi} Có người đã thử viết sau khi chữ QN được cải tiến “hợp lý” như sau: *Ôi! Cuộc gia tũt với, cuê hương iêu dẫu, sau những chặng đường khúc khủu của lịch sử, sau những loãi hoãi trong đêm hôm khũa khoắt tường chừng tũt vọng, ngãi nãi dân ta đã có được một thứ chữ ỹên bác, không tài huải cuê mùa như trước*.

^{vii} Có không ít người đề nghị dùng hệ thống chính tả hiện tại để “phiên” thành hệ thống chính âm, và ta có một hệ thống chính âm “hoàn hảo” *1 đối 1* với chính tả, nhưng than ôi, đó là một thứ chính âm *nhân tạo, siêu thực*, và nếu đạt được sẽ là một đại họa cho tiếng Việt.

^{viii} Lâu nay nhiều người vẫn coi luyện chính âm là điều kiện tiên quyết cho chính tả, nhưng đã vấp phải một thực tế: không một phương ngữ nào có đủ khả năng để chọn chuẩn chính âm, mà dẫu có một vùng nào đó “chuẩn” thì cũng không cưỡng ép vùng khác nói theo được. Theo Nguyễn Đức Dương, dạy chính tả bằng con đường chính âm “*là biện pháp thần tình nhất để viết sai chính tả một cách chắc chắn*” (*Linh hồn tiếng Việt*, NXB Trẻ, 2003).

^{ix} Cao Xuân Hạo, *Máy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*, NXB Khoa học Xã hội, 2006.

(Mùa thu 2010)